

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM
Bản án số: 34/2023/DS-ST.
Ngày: 29-9-2023.
“V/v Tranh chấp chậm
thực hiện nghĩa vụ dân sự”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “*Chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn H. "Có mặt".

Địa chỉ: Số N, đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Chị Trương Thị M. "Vắng mặt".

Địa chỉ: Đường D, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023, bản tự khai đề ngày 31/7/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Cao Văn H trình bày:

Do tôi và chị Trương Thị M có mối quan hệ quen biết từ trước, tôi biết chị M làm nghề thu mua vỏ Bời Lồi nên tôi và chị M đã trao đổi bằng miệng việc mua-bán vỏ Bời lồi và cùng thống nhất giá cả, phương thức trả tiền. Vào ngày 03/4/2023 tôi chở hàng vỏ Bời lồi khô đến Công ty TNHH sản phẩm T, địa chỉ tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum bán cho chị Trương Thị M với tổng trị giá thành tiền là 45.600.000 đồng. Hai bên thỏa thuận là chị M đưa trước cho tôi 10.000.000 đồng, số còn lại là 35.600.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng*) chị M sẽ trả hết sau hai tuần kể từ khi tôi giao hàng. Đến hẹn chị M không trả tiền cho tôi, tôi đã liên hệ nhiều lần đòi số tiền còn lại nhưng chị M khất và tránh gặp tôi, tôi phải làm đơn khởi kiện ra tòa, trong quá trình Tòa án giải quyết thì đến ngày 07/7/2023 chị M đã chuyển khoản trả cho tôi số tiền

15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), còn nợ lại 20.600.000 đồng chị M không trả cho tôi. Trước khi hòa giải tôi đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay tôi chỉ yêu cầu Tòa án buộc chị Trương Thị M trả cho tôi số tiền còn nợ là 20.600.000 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*) và tiền lãi chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS); Án phí dân sự sơ thẩm chị M phải chịu.

Đối với bị đơn chị Trương Thị M Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để chị M tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng chị M đều cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trương Thị M đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt chị Trương Thị M.

Đối với số tiền khi anh H khởi kiện buộc chị M phải trả 35.600.000 (*Ba mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng*) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị M đã chuyển khoản trả anh H được 15.000.000 đồng, trước khi hòa giải vụ án anh H đã tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã trả. Căn cứ Điều 5 Bộ luật TTDS cần chấp nhận và không xem xét giải quyết số tiền đã rút.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H buộc chị Trương Thị M phải trả số tiền mua vỏ Bời lời còn nợ là 20.600.000 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi khởi kiện Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc khởi kiện để chị M tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân nhưng bị đơn chị Trương Thị M biết việc anh H khởi kiện chị nhưng chị M không có ý kiến về việc khởi kiện của anh H. Căn cứ khoản 4 Điều 91 BLTTDS, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và chị M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, căn cứ giấy chuyển tiền mà chị M chuyển trả anh H vào ngày 07/7/2023 và các hình ảnh vận chuyển vỏ Bời lời, tin nhắn zalo có tên miền là "Minh Boi Loi" do anh H cung cấp cho Tòa án thấy rằng, chị M mua vỏ Bời lời của anh H, anh H khởi kiện chị đòi số tiền còn nợ là 35.600.000 đồng, chị M đã chuyển trả số

tiền 15.000.000 đồng còn nợ lại 20.600.000 đồng là sự thật. Áp dụng Điều 280, 353 430, 440 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H buộc chị M phải trả anh H số tiền mua vỏ Bời lời còn nợ là 20.600.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật;

Về lãi suất chậm trả anh H yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 468 BLDS là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án là đúng với quy định của pháp luật. Do yêu cầu của anh H được chấp nhận nên buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.600.000 đồng $\times 5\% = 1.030.000$ đồng (*Một triệu, không ba trăm mười nghìn đồng*); hoàn trả lại anh H số tiền đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 353, 430 và 440 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn H.*

1. Buộc chị Trương Thị M phải trả cho anh Cao Văn H số tiền là 20.600.000 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ trả tiền chưa trả đủ số tiền phải trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Chị Trương Thị M phải chịu 1.030.000 đồng (*Một triệu, không ba trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Cao Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại anh Cao Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 890.000đ (*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0001352 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 9 năm 2023), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Tp Kon Tum;
- Chi cục THADS Tp Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung